



Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam (“AmCham”)

PHÁT BIỂU CỦA AMCHAM
Diễn Đàn Doanh Nghiệp Việt Nam Giữa Kỳ
Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2015

Trình bày bởi
Bà Sherry Boger
Chủ tịch

Kính thưa Thủ tướng, các Bộ trưởng,
Lãnh đạo các doanh nghiệp
Các vị đại biểu Cùng toàn thể quý vị

Tôi rất vinh dự được tham gia Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam có ý nghĩa quan trọng, với chủ đề "Nâng cao năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp để hội nhập quốc tế" ngày hôm nay.

MỘT SỐ BƯỚC TIẾN TÍCH CỰC

Trước hết, chúng ta thấy rằng Việt Nam đã rất thành công trong hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và hội nhập kinh tế với Mỹ nói riêng. Năm ngoái, tổng kim ngạch thương mại giữa hai quốc gia tăng 20%, đạt 36,3 tỷ đô la và tính đến năm 2020, con số này có thể tăng lên 72 tỷ đô la nếu xu thế này vẫn tiếp tục duy trì và có thể cao hơn với Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (“TPP”)¹. Bên cạnh đó, năm 2014, Việt Nam trở thành nhà cung cấp cho thị trường Mỹ đứng đầu ASEAN, trước cả Malaysia và Thái Lan. Việt Nam chiếm 22% tổng kim ngạch xuất khẩu của các nước ASEAN sang Mỹ, và có thể đạt 30% năm 2020, nếu xu thế hiện tại vẫn được tiếp tục phát huy².

Mặt khác, trong số các nước ASEAN, Việt Nam là quốc gia có kim ngạch nhập khẩu từ Mỹ thấp nhất, chỉ đạt 5.7 tỷ đô la năm 2014.³ Giá trị này có thể tăng lên thông qua việc cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam cho các doanh nghiệp xuất khẩu Mỹ và các nước khác, cũng như các nhà nhập khẩu Việt Nam và nhà phân phối.

Đồng thời, doanh thu của các doanh nghiệp hội viên AmCham và đối tác tại thị trường nội địa của Việt Nam tiếp tục tăng, nhiều công ty AmCham đã tăng vốn đầu tư nước ngoài (“FDI”) tại Việt Nam.

TPP, CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Sau nỗ lực nhiều năm, Việt Nam đang tiến gần tới việc ký kết và phê chuẩn TPP. Với các hoạt động đổi mới và cải cách, Việt Nam nhìn chung có thể được hưởng lợi nhiều nhất từ TPP.

¹tham khảo phụ lục 1

²tham khảo phụ lục 2

³tham khảo phụ lục 2

TPP có ý nghĩa quan trọng đối với tất cả các nước thành viên, đặc biệt là Việt Nam. Trước hết, vì tác động tích cực, cụ thể của TPP đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, tăng trưởng GDP (Tổng sản phẩm quốc nội), và tạo công ăn việc làm. Một số chuyên gia dự đoán rằng với TPP, xuất khẩu của Việt Nam sẽ tăng 28,4%. Kim ngạch xuất khẩu "đường cơ sở" (baseline) dự kiến của Việt Nam năm 2025 khi không có TPP là 239 tỷ đô la và con số này có thể tăng lên 307 tỷ đô la nếu có TPP. Ngoài ra, mức tăng trưởng GDP với TPP dự kiến rất cao. Theo Ngân hàng Thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của Việt Nam là 7,4% trong giai đoạn 1990-2007, và dự báo đạt 5,6% trong giai đoạn 2008-2018. Với TPP, GDP của Việt Nam năm 2025 có thể cao hơn so với ước tính đường cơ sở là 10,5%.

Nhận thức của Lãnh đạo doanh nghiệp và Chính phủ về tầm quan trọng của khu vực Châu Á Thái Bình Dương và các lợi ích liên quan của TPP đang ngày càng tăng. Theo nghiên cứu của Viện nghiên cứu Brookings và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), "tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu và nền kinh tế đa quốc gia sẽ ngày càng phụ thuộc nhiều vào người tiêu dùng ở thị trường mới nổi, đặc biệt là châu Á (Ấn Độ, ASEAN và Trung Quốc). Chi tiêu của tầng lớp trung lưu toàn cầu sẽ tăng từ 21,3 nghìn tỷ đô la năm 2009 lên 55,7 nghìn tỷ đô la năm 2030. Trong đó tỷ lệ của châu Á sẽ tăng từ 23% năm 2009 lên 59% năm 2030. Năm 2009, trong khu vực có 525 triệu người tiêu dùng trung lưu. Đến năm 2030, con số này sẽ là 3,2 tỷ."

Đây là một trong những lý do tại sao Mỹ và các tập đoàn toàn cầu khác đã và đang thành lập cơ sở sản xuất tại Việt Nam, để phục vụ thị trường Việt Nam, ASEAN, Châu Á-Thái Bình Dương, và các thị trường khác trên toàn cầu. Đó cũng là lý do tại sao tất cả chúng ta đều quan tâm đến việc phát triển các Hiệp định thương mại tự do như TPP, Hiệp định thương mại Tự do Việt Nam – EU, Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015, Hiệp định thương mại Tự do Hàn Quốc-ASEAN, Hiệp định Hợp tác Kinh tế Nhật Bản-ASEAN, vv...

Sau cùng, khi Quốc hội Mỹ đã và đang tiến gần tới việc phê duyệt Quyền xúc tiến thương mại (Trade Promotion Authority) để chuẩn bị nhanh chóng phê chuẩn TPP, chúng tôi hy vọng và kỳ vọng rằng Việt Nam và Mỹ sẽ có các cuộc đàm phán thành công. Chúng tôi ủng hộ TPP vì Hiệp định sẽ đặt nền móng cho hội nhập khu vực, và thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội. Hợp tác trong TPP sẽ trở thành cơ sở và động lực cho Quan hệ Đối tác Toàn diện Việt Nam-Mỹ công bố vào tháng 7 năm 2013.

NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Khi Việt Nam đã rất thành công trong việc thu hút FDI và hưởng lợi nhờ sự tăng trưởng xuất khẩu đáng kể từ các nhà máy FDI, chúng tôi mong muốn chứng kiến sự tăng trưởng và tham gia vào sự phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ.

Năm 2015, năng lực của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ("**SMEs**") tại Việt Nam nhìn chung còn yếu để có thể tham gia vào chuỗi cung ứng cho các nhà máy FDI. Chỉ 36% trên tổng số doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào mạng lưới sản xuất theo định hướng xuất khẩu, so với gần 60% ở Malaysia và Thái Lan. Chỉ có 21% các SMEs Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, và sự đóng góp của SMEs trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn nhiều so với các nước khác. Việc cải thiện cơ sở hạ tầng cả về phần cứng và phần mềm có thể giúp tăng tỷ lệ này lên đáng kể.

Phát triển kinh tế xã hội trong tương lai sẽ phụ thuộc vào khả năng hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu để chúng ta có thể hưởng lợi từ các nguồn vốn và công nghệ trên thế giới, tiếp cận thị trường toàn cầu. Cần ban hành pháp luật mới về SMEs và lựa chọn năm lĩnh vực công nghiệp để phát triển các cụm công nghiệp và sản phẩm trong chuỗi giá trị: điện tử, dệt may, chế

biến thực phẩm, máy móc nông nghiệp, du lịch. Các kế hoạch hành động cần bao gồm hợp tác với khu vực tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp FDI, giúp Chính phủ và các doanh nghiệp xác định các chính sách ưu đãi để phát triển SMEs thành công ở các nước khác và các yêu cầu cho việc gia nhập chuỗi cung ứng toàn cầu và tăng cường hỗ trợ các cụm công nghiệp. Ngoài ra, cần phải có một hệ thống giáo dục hiện đại để hỗ trợ sự phát triển nói trên, việc tạo ra các nguồn lực sinh viên tốt nghiệp có đủ kỹ năng và năng lực cần thiết để sẵn sàng làm việc đồng thời phát triển các nghiên cứu sáng tạo cho lĩnh vực sản xuất, các quy chuẩn nguyên tắc thực hành kế toán được chấp nhận trên toàn cầu, các thủ tục hành chính thuế được sắp xếp hợp lý và minh bạch, tất cả các yếu tố này sẽ góp phần thúc đẩy tích hợp chuỗi cung ứng.

Việt Nam có khoảng 400 hiệp hội doanh nghiệp đại diện cho các lĩnh vực và khu vực kinh doanh cụ thể. Những hiệp hội này cung cấp thông tin về điều kiện kinh doanh và thị trường cho các hội viên, cũng như thực hiện đào tạo phục vụ phát triển kinh doanh và xuất khẩu. Với vai trò nâng cao khả năng cạnh tranh của các SMEs trong nền kinh tế xuất khẩu như những nhà xuất khẩu và nhà cung cấp cho doanh nghiệp FDI, các hiệp hội có thể kết nối hỗ trợ của Chính phủ trong các lĩnh vực chính nêu ở trên.

Cuối tháng 11 năm ngoái, Ban Sản xuất của chúng tôi đã tổ chức "Ngày vì sự phát triển của các nhà cung cấp", với sự tham gia của một số lượng lớn các công ty Việt Nam. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, chúng tôi đã và sẽ hợp tác với các cơ quan chức năng địa phương và trung ương và các hiệp hội doanh nghiệp để tổ chức các đợt đào tạo cho doanh nghiệp Việt Nam xoay quanh nội dung làm thế nào để trở thành một "nhà cung cấp đạt yêu cầu".

Trong mảng đào tạo sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng sẵn sàng phục vụ ngành công nghiệp, các hội viên của chúng tôi rất vui mừng được tham gia vào một số dự án với vai trò chủ trì hoặc hỗ trợ quá trình hiện đại hoá chương trình dạy nghề. Nhằm hỗ trợ phát triển ngành công nghệ cao, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ thực hiện chuyển đổi quy mô lớn để mở rộng HEEAP (Chương trình liên kết đào tạo kỹ thuật cao) năm 2018 với HEEAP 3.0 trên toàn quốc để có bằng cấp được quốc tế công nhận, hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng và cơ bản, và xây dựng nền tảng cho quá trình đổi mới và khởi nghiệp.

NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA CHÍNH PHỦ HƯỚNG TỚI HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Các cơ quan chính quyền địa phương và trung ương cần nâng cao năng lực cạnh tranh và triển khai thủ tục được phân cấp trong vai trò nhà cung cấp các dịch vụ của Chính phủ cho các doanh nghiệp, chuẩn bị cho hội nhập kinh tế quốc tế.

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 19/2014 và Nghị quyết 19/2015, quy định các Chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động chính (Key Performance Indicators) để đánh giá hiệu quả cung cấp dịch vụ của Chính phủ, bao gồm thủ tục báo cáo thuế và thủ tục thanh toán; khả năng tiếp cận nguồn điện; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; quyền của nhà đầu tư và cổ đông thiểu số phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; sự công bằng và minh bạch trong khả năng tiếp cận tín dụng dựa trên thị trường; nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu xuống bằng mức trung bình của các nước ASEAN-6; giảm thời gian xử lý thủ tục phá sản doanh nghiệp; công khai thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất.

Nghị quyết 19 quy định các chỉ số quan trọng cho việc thúc đẩy hiệu quả và chúng tôi cho rằng cần có thêm nỗ lực để đảm bảo chính sách này được các cơ quan Chính phủ nắm rõ và thực hiện. Vì vậy chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác của Chính phủ với các Nhóm Công tác của

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và các cuộc đối thoại định kỳ. Cần thường xuyên tổ chức hoạt động tham vấn Chính phủ và hợp tác với các doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp FDI, hàng tháng và hàng quý để đánh giá các tiến triển. Đồng thời phải xác định "các mục tiêu cụ thể" để cải thiện môi trường kinh doanh.

Ví dụ, Chỉ số đánh giá hiệu quả thực hiện chính đối với hoạt động Thuận lợi hoá thương mại và hải quan ("KPI") đến năm 2015 là giảm thời gian thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu xuống bằng với mức trung bình của các nước ASEAN-6 (là 14 ngày với xuất khẩu và 13 ngày với nhập khẩu) so với mức 21 ngày cho nhập khẩu và xuất khẩu của Việt Nam năm 2013. KPI đối với hoạt động Thuận lợi hoá thương mại và hải quan năm 2016 là "giảm thời gian thực hiện thủ tục xuất khẩu xuống dưới 10 ngày và thực hiện thủ tục nhập khẩu xuống dưới 12 ngày."

Gần đây chúng tôi đã thành lập "Liên minh Thuận lợi hoá Thương mại Việt Nam," (VTFA) do VCCI và AmCham quản lý, với sự tham gia của các hiệp hội hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu (dệt may, giày dép, nội thất, vv...) nhằm hỗ trợ các cuộc tham vấn Chính phủ-doanh nghiệp định kỳ và thúc đẩy khả năng đạt KPI về hải quan. Với khoản tài trợ của Chương trình Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện của USAID, một phần trong Chương trình Hỗ trợ thuận lợi hoá thương mại của Ngân hàng Thế giới cung cấp hỗ trợ kỹ thuật của các nước phát triển cho các nước đang phát triển theo Phần II của Hiệp định Thuận lợi hoá thương mại WTO, VTFA hiện đang thiết lập quan hệ tư vấn chính thức giữa Tổng cục Hải quan Việt Nam, các cơ quan khác của Chính phủ tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế, và các hiệp hội doanh nghiệp, theo quy định của Hiệp định Thuận lợi hoá thương mại WTO và Công ước Kyoto sửa đổi về đơn giản và hài hoà thủ tục hải quan, cũng như TPP và các Hiệp định thương mại tự do khác. VTFA đóng vai trò là một liên minh quốc gia của các bên tham gia hoạt động kinh doanh và thương mại, hỗ trợ tư vấn cho Tổng cục Hải quan và các ban ngành về quy định thương mại quốc tế, thông qua các cuộc họp định kỳ chính thức hàng tháng và hàng quý.

Chúng tôi cũng đánh giá rất cao Biên Bản ghi nhớ hợp tác ký giữa VBF và Tổng Cục Hải quan cũng như các hoạt động hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động cải cách và hiện đại hóa quan trọng.

Trong một ví dụ khác, chúng tôi rất vui khi được gặp lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết những khó khăn kinh doanh và cải thiện môi trường kinh doanh. Các lãnh đạo thành phố sẽ đề xuất lên Trung ương một số giải pháp cho những vấn đề quan trọng ở cấp quốc gia. Thành phố Hồ Chí Minh sẽ thành lập một tổ công tác để gặp gỡ đại diện doanh nghiệp nhằm giải quyết những khó khăn mà các nhà đầu tư và doanh nghiệp đang phải đối mặt, cải thiện môi trường kinh doanh, xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng và nâng cao tính minh bạch của các quy định và chính sách của Chính phủ Việt Nam.

Một số vấn đề cụ thể ảnh hưởng nhiều đến các hội viên của chúng tôi gồm vấn đề thị thực, thuế, hạn chế nhập khẩu máy móc đã qua sử dụng. Đây là những khó khăn doanh nghiệp hiện đang phải đối mặt.

Thị thực (Visa): Luật xuất nhập cảnh của Việt Nam được sửa đổi tháng 6 năm 2014 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2015. Chúng tôi nghĩ rằng đây này là một bước lùi đáng kể. Theo quy định của luật, công dân Mỹ có kế hoạch đến thăm Việt Nam dưới hình thức visa Mỹ B-1 và B-2 sẽ được cấp visa có hiệu lực tối đa ba tháng, nhập cảnh một lần. Điều này có nghĩa rằng, trong tương lai gần, đối ứng với quy định này, visa Mỹ cấp cho công dân Việt Nam là du

khách tạm thời có thể bị giảm thời hạn hiệu lực từ một năm như hiện tại xuống còn ba tháng, và từ nhập cảnh nhiều lần thành nhập cảnh một lần.

Điều này gây ra những trở ngại đáng kể cho hoạt động kinh doanh và du lịch giải trí hai chiều giữa Việt Nam và Mỹ, và có thể làm sụt giảm nguồn thu lớn từ ngành du lịch, chưa kể đến những tác động tiêu cực với sự phát triển dự kiến của ngành du lịch vốn là một trong năm lĩnh vực ưu tiên tại Việt Nam.

Thuế: Chúng tôi đã hai lần trình bày với cả Bộ Tài chính và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình nhà nhập khẩu và phân phối Mỹ chịu thiệt thòi do yêu cầu nộp thuế giá trị gia tăng đánh vào hàng nhập khẩu hai lần. Cơ quan thuế phong tỏa tài khoản ngân hàng của nhà phân phối khi trường hợp đó đang trong quá trình kháng cáo. Chúng tôi hy vọng rằng trường hợp này có thể được giải quyết kịp thời. Có một số trường hợp khác liên quan đến vấn đề thuế mà chúng tôi sẽ kiến nghị.

Nhập khẩu máy móc thiết bị đã qua sử dụng (đề xuất sửa đổi Thông tư 20): Tại các cuộc họp ở cả thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, các doanh nghiệp đồng loạt phản đối thông tư sửa đổi, với mục tiêu thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất bằng cách "khuyến khích nhập khẩu máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất mới được sản xuất với công nghệ mới nhất". Những hạn chế đưa ra trong dự thảo Thông tư sửa đổi có thể gây phản tác dụng, không khuyến khích ngành sản xuất, do số lượng lớn mã HS (mã Hệ thống hài hòa mô tả và mã hoá hàng hoá) liên quan của Hải quan để phân loại các thiết bị, phụ tùng, linh kiện yêu cầu nguồn vốn lớn và dài hạn. Thương mại toàn cầu trong lĩnh vực thiết bị sản xuất đã qua sử dụng đang phát triển, đặc biệt trong các ngành đòi hỏi nguồn vốn lớn, vì nhà đầu tư có thiết bị đã sử dụng có chất lượng tốt thường muốn chuyển thiết bị từ một trong những nhà máy hiện tại của mình ở một nước khác sang Việt Nam, chứ không muốn mua thiết bị mới với thời gian giao hàng dài và chi phí cao hơn nhiều. Thay vì hạn chế, mục tiêu khuyến khích nhập khẩu thiết bị sản xuất cho các ngành công nghệ cao được hiện thực hóa tốt hơn bằng cách áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi thuế mới cho đầu tư thiết bị và công nghệ phù hợp.

NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH YÊU CẦU ĐỐI THOẠI Ở TẤT CẢ CÁC CẤP

Hội viên AmCham và nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài tiềm năng vô cùng quan ngại với sự chậm trễ kéo dài và không chắc chắn của các dự án trọng điểm, các chính sách và quy định, bao gồm việc thực hiện thông tư và nghị định, các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng, hoạt động cải cách thủ tục hành chính và những vấn đề khác.

Ví dụ ngành công nghiệp ô tô hiện đang thiếu lộ trình rõ ràng và chi tiết cho quyết định chiến lược về Quy hoạch phát triển tổng thể ngành công nghiệp ô tô đến năm 2020 - tầm nhìn 2030 đã làm suy giảm niềm tin của nhà đầu tư và mang lại rủi ro khi nhà sản xuất cân nhắc kế hoạch lựa chọn khu vực thay thế trong ASEAN.

Trong lĩnh vực tài chính/ngân hàng, định hướng chính sách và quy định pháp luật có mục tiêu tốt, nhưng sự chậm trễ và không nhất quán trong Thông tư hướng dẫn và năng lực của các cơ quan trong việc "hiểu rõ" quy tắc, đang là thách thức rất lớn. Chúng ta cần cải thiện (1) năng lực thực hiện ở cấp độ thực hiện, đặc biệt là trong việc cấp phép; (2) Sự phối hợp liên ngành để giải quyết những vấn đề phạm vi rộng trong quy định; (3) Hệ thống xử lý các vấn đề ở "cấp thực hiện".

Trong lĩnh vực sửa cho trẻ em, quyết định mới đây của Chính phủ trong việc kéo dài thời hạn hiệu lực của Quyết định 1079/QĐ-BTC "về việc áp dụng các biện pháp bình ổn giá các sản phẩm sửa cho trẻ em từ 6 tuổi trở xuống", thêm 18 tháng sẽ tiếp tục tạo ra tác động tiêu cực đối với

sự phát triển của ngành và các doanh nghiệp. Giá cả ở lĩnh vực này khá tương thích với giá thế giới và thị trường khá đa dạng và cạnh tranh. Quyết định này đi ngược lại tinh thần của Luật 2012 cam kết "tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh của các doanh nghiệp", mâu thuẫn với quy định của WTO, nguyên tắc cạnh tranh TPP, thông lệ quốc tế, và mục tiêu hướng tới nền kinh tế thị trường của Việt Nam.

CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH QUAN TRỌNG KHÁC: HỆ THỐNG NGÂN HÀNG, CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, THIẾU MINH BẠCH

Các thách thức chính sách kéo dài khác gồm cải cách hệ thống ngân hàng, xử lý nợ xấu, cải cách doanh nghiệp nhà nước, và tham nhũng.

Hệ thống ngân hàng: Nhóm Công tác Ngân hàng sẽ đề xuất và đóng góp ý kiến giúp giải quyết vấn đề cải cách hệ thống ngân hàng.

Cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước: Chúng tôi lo ngại rằng quá trình cổ phần hoá diễn ra rất chậm và trong một số trường hợp chỉ trên danh nghĩa. Khó xác định mức độ một phần thiếu số có thể thay đổi hoạt động quản trị, sự phụ thuộc vào Nhà nước, hoặc sức mạnh của các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa một phần để lấn át sự phát triển khu vực tư nhân.

Thiếu minh bạch: Chúng tôi biết rằng Chính phủ chia sẻ với chúng tôi về quan ngại thiếu minh bạch đã trở thành căn bệnh trầm kha và phổ biến ở Việt Nam, đe dọa đến tổng thể nền kinh tế và xã hội. Chính phủ đã có một số hành động nhưng giờ là lúc giải quyết vấn đề thiếu minh bạch trên quy mô lớn hơn thông qua việc triển khai các hệ thống loại trừ cơ hội thanh toán bất hợp pháp cũng như áp dụng đạo luật tương tự Đạo Luật Chống Tham Nhũng Tại Nước Ngoài Của Hoa Kỳ (FCPA) và Đạo Luật Chống Hối Lộ của Anh Quốc (U.K. Bribery Act). Cần có một bước tiến quan trọng đó là triển khai những hành động nhằm hạn chế việc sử dụng các khoản thanh toán bằng tiền mặt và giao dịch thanh toán trực tiếp, và đẩy mạnh sử dụng thương mại điện tử ở Việt Nam.

KẾT LUẬN

Một lần nữa, chúng tôi xin bày tỏ sự cảm kích đối với hướng dẫn trong Thông điệp năm mới 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết 19/2014 và /2015 và cơ hội này để "... tăng cường tương tác giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước và giữa bộ máy nhà nước với các tổ chức Chính trị – xã hội. Mở rộng đối thoại với người dân và doanh nghiệp bằng nhiều hình thức để Nhà nước, cán bộ, công chức gần dân hơn và chủ trương, chính sách, pháp luật sát với thực tiễn hơn."

Chúng tôi cũng đánh giá cao sự quan tâm và nỗ lực của Quốc hội trong việc tổ chức Diễn đàn Kinh tế mùa xuân vào tháng 4 năm 2015 với chủ đề "Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh ở Việt Nam: Biến lời nói thành hành động."

Chúng tôi mong muốn hợp tác và hỗ trợ thông qua các cuộc tham vấn Chính phủ- doanh nghiệp thường xuyên ở tất cả các cấp chính quyền với mục tiêu cụ thể. Chúng tôi sẽ tiếp tục tích cực ủng hộ TPP và hoạt động trừ bì tại Việt Nam để mang lại thành công hơn nữa.

Thay mặt toàn thể hội viên AmCham,

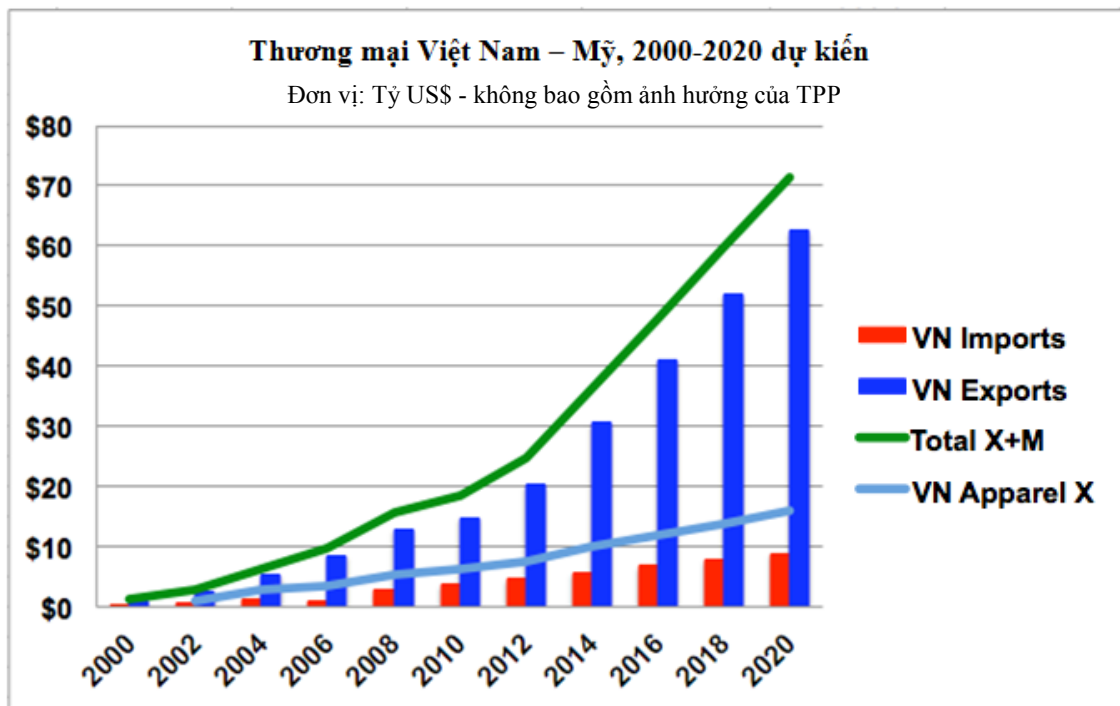
Xin chúc toàn thể quý vị có mặt hôm nay nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin chân thành cảm ơn.

PHỤ LỤC

1. Thương mại Việt Nam - Mỹ, 2000 – 2020 dự kiến
2. Thương mại ASEAN – Mỹ, 2000 – 2020 dự kiến
3. Cấp Visa với các quốc gia TPP, ASEAN (Hiệu lực, Nhập cảnh một lần hoặc nhiều lần)

Phụ lục 1: Thương mại Việt Nam - Mỹ, 2000 – 2020 dự kiến



	2000	2002	2004	2006	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020
VN Imports	\$ 0.4	\$0.6	\$1.2	\$1.1	\$2.8	\$3.7	\$4.6	\$5.7	\$6.8	\$7.9	\$9.0
VN Exports	\$ 0.8	\$2.4	\$5.3	\$8.6	\$12.9	\$14.9	\$20.3	\$30.6	\$41.2	\$51.8	\$62.5
Total X+M	\$ 1.2	\$3.0	\$6.4	\$9.7	\$15.7	\$18.6	\$24.9	\$36.3	\$48.0	\$59.7	\$71.5
VN Apparel X		\$1.0	\$2.7	\$3.4	\$5.4	\$6.3	\$7.7	\$10.0	\$11.9	\$13.8	\$15.9
VN Apparel/Total (%)		40%	52%	40%	42%	42%	38%	33%	29%	27%	25%

Chú thích:

VN Imports: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam

VN Exports: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

Total X + M: Tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam

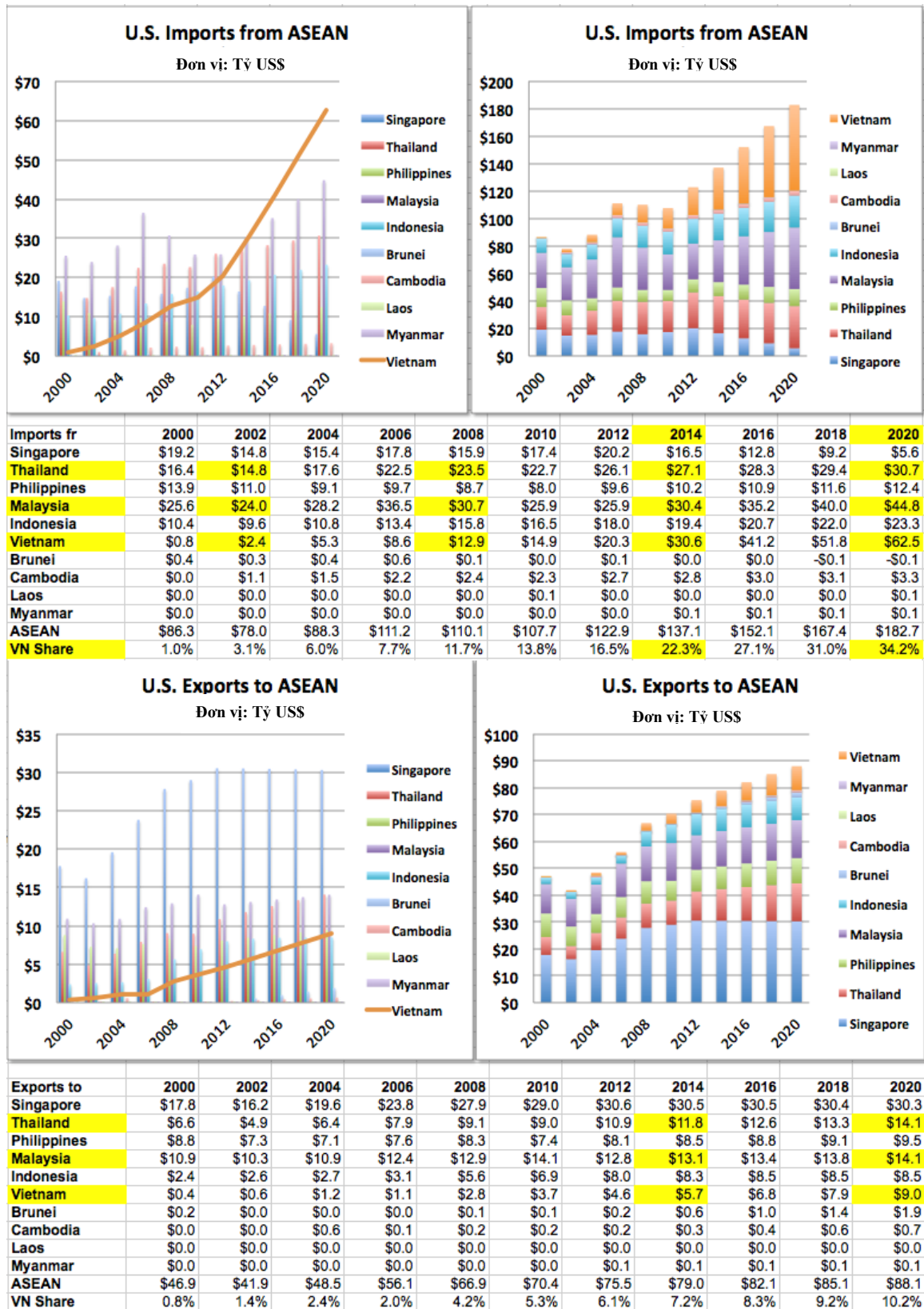
VN Apparel X: Kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam

VN Apparel/Total (%): Phần trăm kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc trên tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ, 2000 – 2014 thực tế; 2015 – 2020 ước tính

<http://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html#2010>

Phụ lục 2: Thương mại ASEAN – Mỹ



Nguồn: Bộ Thương mại Mỹ, 2000 – 2014 thực tế; 2015 – 2020 ước tính

Phụ Lục 3: Cấp Thị thực giữa Hoa Kỳ, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (“TPP”) và các quốc gia đối tác khác

Quốc gia	Hiệu lực B1/B2 lâu nhất (số lần nhập cảnh/tháng)	Hình thức đối xử khác	Hình thức đối xử với công dân Hoa Kỳ
Thành viên TPP			
Việt Nam	M/12*	Không có thông tin	M/3 (M/6 cho mục đích thăm nhân thân)
Canada	M/120	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 180 ngày	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 180 ngày
Mexico	M/120	Không có thông tin	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 180 ngày
Peru	M/120	Không có thông tin	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Chile	M/120	Chương trình miễn thị thực (VWP)**	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Nhật Bản	M/120	Chương trình miễn thị thực (VWP)	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Singapore	M/120	Chương trình miễn thị thực (VWP)	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Malaysia	M/120	Không có thông tin	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Brunei	M/120	Chương trình miễn thị thực (VWP)	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Australia	M/12 (M/60 với \$25 lệ phí)	Chương trình miễn thị thực (VWP)	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày. Phải có Thị thực Du lịch Điện tử (Electronic Travel Authority - ETA) trước khi khởi hành (20 đô la Úc/1 năm)
New Zealand	M/120	Chương trình miễn thị thực (VWP)	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 90 ngày
Các quốc gia đối tác khu vực khác			
Myanmar	B1 hoặc B2 1/3 (\$32), B1 M/12 (\$162)	Không có thông tin	Yêu cầu thị thực, có hiệu lực tới 3 tháng kể từ ngày cấp. Thời gian ở lâu nhất là 28 ngày với khách du lịch; 70 ngày đối với khách đi công tác/kinh doanh. Có thể lựa chọn hình thức Thị thực điện tử.
Trung Quốc	M/120	Không có thông tin	Yêu cầu thị thực, M/120
Indonesia	M/60	Không có thông tin	Yêu cầu thị thực, có thể xin cấp khi đến nơi, hiệu lực 30 ngày (có thể gia hạn thêm 30 ngày nữa)
Thái Lan	M/120	Không có thông tin	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 30 ngày
Cam-pu-chia	2/3	Không có thông tin	Yêu cầu thị thực, có thể xin cấp khi đến nơi hoặc cấp trực tuyến, hiệu lực 30 ngày
Phi-líp-pin	M/120	Không có thông tin	Không yêu cầu thị thực khi ở không quá 30 ngày
Ấn độ	M/120	Không có thông tin	Yêu cầu thị thực. Hiệu lực M/120 cho thời gian ở 6 tháng

* M/12 = nhập cảnh nhiều lần, 12 tháng

** Công dân đến từ các nước thuộc Chương trình miễn thị thực (VWP) có thể nhập cảnh vào Hoa Kỳ cho mục đích kinh doanh hoặc du lịch trong không quá 90 ngày. Tất cả các công dân VWP phải nhận được phê duyệt từ Hệ thống cấp phép đi lại điện tử (ESTA) trước khi lên máy bay khởi hành đến Hoa Kỳ (14 đô la Mỹ/2 năm)